TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN R
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/ HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 11 - 2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tẩn;

Bà Kiều Việt Phương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Bị đơn: Anh Trần Đình H, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/8/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trần Đình H kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện R, vào ngày 11/3/2019. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H không chăm lo làm ăn, bạo lực gia đình; vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không có hạnh phúc. Từ tháng 6/2021 cho đến nay; chị T về phía nhà cha mẹ đẻ tại xã A, thành phố Quảng Ngãi để ở, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn đối với anh H.

- Về con chung: Chị T và anh H có một con chung tên Trần Thiên A1, sinh ngày 18/9/2019 hiện đang sống cùng anh H tại xã E, huyện R. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Thiên Ân và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay, chị T đang làm công nhân tại Công ty TNHH D (số 02 đường 2A, khu Công nghiệp G, xã K, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi), lương hàng tháng từ 6 đến 9 triệu đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung không nợ ai cũng như không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Trần Đình H trình bày:

Anh H công nhận giữa anh và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã E, huyện R ngày 11/3/2019 như chị T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau; có đánh chị T một vài lần; vợ chồng sống không hạnh phúc và chị T về nhà cha mẹ đẻ tại xã A, thành phố Quảng Ngãi để ở từ tháng 6/2021 cho đến nay. Việc chị T yêu cầu ly hôn đối với anh, anh không đồng ý vì anh còn thương yêu chị T, anh H mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng làm ăn, nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Anh H thừa nhận, anh và chị T có một con chung tên Trần Thiên A1, sinh ngày 18/9/2019, hiện nay con đang ở với anh tại xã E, huyện R. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Thiên A1 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh là thợ sơn nước làm tự do, thu nhập từ 9 đến 10 triệu đồng/tháng; nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh việc này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Như chị T đã trình bày là đúng, vợ chồng không có tài sản chung không nợ ai cũng như không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về: Tôi và cô T không có nợ chung tài sản đối với ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ

lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị T và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau thời gian sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu được ly hôn anh H là có căn cứ. Áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Đình H.

Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thiên A1, sinh ngày 18/9/2019. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 11/10/2021, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T đối với bị đơn anh Trần Đình H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T kết hôn tự nguyện với anh Trần Đình H và có đăng ký kết hôn ngày 11/3/2019 tại UBND xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chị T và anh H sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, anh H không chăm lo công việc gia đình, thường tụ tập ăn nhậu. Tháng 6 năm 2021 chị T về nhà cha mẹ đẻ ở, từ đó cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị T yêu cầu được ly hôn anh H, anh H không đồng ý ly hôn chị T vì anh vẫn còn thương yêu chị và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp khắc phục, sửa chữa khuyết điểm để níu kéo chị T về đoàn tụ. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*". Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, thấy rằng anh H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc đích thực cho họ nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Thiên A1, sinh ngày 18/9/2019. Chị T và H đều thừa nhận, hiện nay con đang với với anh H; chị T và H đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tính đến ngày 30/11/2021 (ngày xét xử) cháu A1 mới được 26 tháng 12 ngày, chưa được 36 tháng nên buộc anh H giao con chung tên Trần Thiên A1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng và nghĩa vụ trả nợ: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện R về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) phần yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, là phù hợp Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Đình H.

2. Về con chung: Buộc anh Trần Đình H giao con chung tên Trần Thiên A1, sinh ngày 18/9/2019 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001056 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện R;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện R;
- UBND xã E, huyện R;
- Lưu Hồ sơ, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Chí Ngãi